

Số: 1328/TB-UBND

Gia Sàng, ngày 21 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai danh sách và diện tích cây trồng của các hộ bị
thiệt hại do bão số 4 và mưa lũ, ngập úng gây ra từ ngày 22/8-24/8/2026
trên địa bàn phường Gia Sàng**

Căn cứ Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ về Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Căn cứ Nghị Quyết số 07/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 Ban hành Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Công văn số 3292/SNNMT - KHTC ngày 21/10/2025 của Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các hộ có diện tích về cây trồng bị thiệt hại do bão số 4 và mưa lũ, ngập úng gây ra từ ngày 22/8-24/8/2026 trên địa bàn phường Gia Sàng.

UBND phường Gia Sàng thông báo việc niêm yết công khai danh sách các hộ có diện tích về cây trồng bị thiệt hại do bão số 4 và mưa lũ, ngập úng gây ra từ ngày 22/8-24/8/2026 trên địa bàn phường Gia Sàng cụ thể như sau:

1. Đối tượng niêm yết: Các hộ có diện tích cây trồng bị thiệt hại do bão số 4 và mưa lũ, ngập úng sau bão từ ngày 22/8-24/8/2026 gây ra.

(Có danh sách kèm theo)

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 22/9/2026 đến hết ngày 01/10/2026.

3. Địa điểm niêm yết

- Trụ sở HĐND và UBND phường Gia Sàng.
- Nhà văn hóa các tổ dân phố có hồ sơ đề nghị.

4. Hình thức công khai

- UBND phường niêm yết công khai tại Trụ sở HĐND&UBND phường, trang thông tin điện tử của phường.

- Các Tổ dân phố niêm yết công khai tại Nhà văn hóa, trên các phương tiện thông tin đại chúng (nhóm zalo của tổ), trong các buổi họp, ... của các tổ dân phố có hồ sơ đề nghị để nhân dân được biết.

UBND phường yêu cầu các Tổ dân phố nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có ý kiến thắc mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về UBND phường (qua phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường) để được xem xét, giải quyết theo quy định. Sau khi hết thời gian công khai nêu trên, các ý kiến, kiến nghị sẽ không được tiếp nhận và giải quyết. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường;
- Trung tâm DVTH phường;
- Lưu: VT, XDNN&MT. dhĐông.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Chiến

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAY ĐỔI
HỌ TÊN



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAY ĐỔI
HỌ TÊN

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAY ĐỔI
HỌ TÊN

22 tháng 8 năm 2026 đến ngày 24 tháng 8 năm 2026)

Kèm theo Thông báo số 1328/TB-UBND ngày 22/9/2026 của UBND phường

[illegible]



17	Nguyễn Thị Thái (Cò)		0,036		0,036					0,036					
18	Lục Đình Đông					0,072				0,072					
19	Hà Văn Được														
20	Tạ Thị Vinh					0,06				0,132					
21	Trần Văn Lộc									0,048					
22	Phạm Phú Hưng					0,024									
23	Nguyễn Ngọc Sơn					0,048									
24	Nguyễn Văn Đức					0,036									
25	Lý Văn Quang					0,072				0,042					
26	Nguyễn Thị Tuất									0,036					
27	Lương Thị Hòa									0,072					
28	Lục Thị Kéo					0,036									
29	Trương Thị Thanh					0,096				0,108					
30	Đào Thị Chinh					0,024									
31	Lê Anh Trường		0,024			0,019				0,03					
32	Thẩm Dịch Đông					0,072				0,048					
33	Hà Ánh Ngọc					0,048									
34	Nguyễn Văn Sơn (Bón)							0,036							
35	Nguyễn Văn Hưng (Thu)				0,036										
36	Lục Đình Vũ			0,072						0,042					
37	Hà Văn Lợi														
38	Nguyễn Văn Tiến		0,05			0,048								0,072	
39	Trần Văn Năm									0,108					
40	Nguyễn Thị Uyên				0,036	0,024									
41	Chu Xuân Nam			0,046											
42	Dương Văn Minh					0,024									
43	Đỗ Xuân Đạt					0,036				0,036					
44	Lê Văn Tinh					0,036				0,076					
45	Nguyễn Văn Nhạng			0,144						0,036					
46	Lê Thị Minh					0,054				0,096					
47	Lục Trung Xuyên			0,018		0,036									
48	Nguyễn Thị Xuân					0,024									
49	Đào Thị Lan					0,036									
50	Đào Đình Hưởng					0,036									
51	Lê Thị Hà					0,036				0,036					
	Tổng cộng	0	0,462	0,34	0,33	1,333	0	0,036	0	0	1,36	0	0,072	0	0,072

15

DANH SÁCH
TIẾT HAI ĐỒ BẢO SƯ
22 tháng 8 năm 2026
theo Thông báo số 132
Điện tích thiết

[illegible]



12	Lưu Văn Cát								0,072						0,36	
13	Vũ Ngọc Sơn									0,072					0,288	
14	Nguyễn Thị Lợi				0,072											
15	Nguyễn Văn Duy			0,144		0,144										
16	Đặng Văn Dũng			0,108		0,072										
17	Phan Thị Thi					0,036										
18	Nguyễn Văn Mạnh							0,061								
19	Trần Văn Nhất			0,27		0,036								0,036	0,108	
20	Vũ Văn Hưng			0,072					0,18						0,24	
21	Đặng Văn Chuyển			0,108		0,024										
22	Nguyễn Thị Học						0,072									
23	Dương Văn Chung				0,108			0,054							0,18	
24	Đặng Hồng Sơn								0,108						0,36	
25	Lê Thị Thái			0,072	0,18	0,108										
26	Trần Thị Huệ						0,072	0,072								
27	Lưu Văn Long								0,108						0,36	
28	Nguyễn Thị Châm					0,36				0,072						
29	Nguyễn Thị Lê			0,072				0,036								
30	Đặng Văn Hùng								0,108						0,72	
31	Trần Xuân Bính			0,108											0,09	
32	Đinh Văn Dũng			0,18			0,036									
33	Nguyễn Thị Cương			0,1008			0,024									
34	Nguyễn Văn Quân			0,06												
35	Dương Ngọc Khuyên			0,072			0,036									
36	Phan Hồng Thái				0,036			0,072								
37	Trần Xuân Định			0,09												
38	Nguyễn Thị Dung					0,024	0,072									
39	Phan Văn Hào					0,036			0,108							
40	Đặng Tiến Dũng									0,072					0,18	
41	Lê Duyên Phong						0,216									
42	Dương Đức Lượng			0,072	0,036		0,18									
43	Dương Thị Hương			0,072		0,036	0,072									
44	Dương Thanh Khởi					0,036	0,054	0,054	0,108	0,072					0,108	

45	Phan Văn Thắng						0,036									
46	Dương Huy Tùng			0,072		0,18										
47	Nguyễn Văn Vinh			0,18			0,072	0,144							0,36	
48	Nguyễn Thị Yến			0,036			0,072		0,144							
49	Lưu Văn Đường							0,108	0,036							
50	Dương Thanh Tuấn				0,036			0,072							1,2	0,1
51	Vũ Ngọc Nhân										0,08				0,108	
52	Đỗ Duy Phổ			0,108			0,216								0,8	
53	Vũ Ngọc Khang															
54	Đỗ Văn Lớn			0,18	0,036		0,072	0,072								
55	Lê Duyên Nhạn			0,108			0,036									
	Tổng cộng	0	0	2,2128	1,741	1,164	1,662	0,889	1,224	0,324	0,08	0	0	0,324	5,93	0,1

45

DANH SÁCH CÔNG KHAI

CÁC HỘ VÀ DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 4 VÀ MƯA LŨ, NGẬP ỦNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG GIA SẮNG

(Từ ngày 22 tháng 8 năm 2026 đến ngày 24 tháng 8 năm 2026)

Kèm theo Thông báo số 1328/TB-UBND ngày 22/8/2026 của UBND phường

STT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích thiệt hại từ 10% đến 30%										Diện tích thiệt hại từ 30% đến 70%									
			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm				Cây hoa, cây cảnh			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Cây trồng
			Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật tư cây đầu dòng	Nhóm trồng cây hàng năm	Cây bị thiệt hại nhưng không chết	Cây chết, không có khả năng phục hồi	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản
-		tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(19)	(20)	(21)	(23)	(24)	(25)	(26)
	Đồng Ao																					
1	Phạm Văn Bắc																0,18				0,07	
2	Phạm Công Tuyên																0,072					
3	Nguyễn Văn Xuân (Chọn)																0,036					
4	Nguyễn Văn Công																0,054					
5	Phan Đình Bình																			0,072		
6	Hà Sơn Đông																0,08			0,036		
7	Tạ Thị Nhân					0,18																
8	Đỗ Thị Quyên																0,108					
9	Nguyễn Viết Dân																0,084		0,036			
10	Nguyễn Văn Nhã																0,0552			0,036		
11	Nguyễn Viết Viễn																0,07					
12	Nguyễn Hữu Sự																0,064					
13	Nguyễn Minh Trọng				0,072																	
14	Tạ Như Khởi																0,108					
15	Nguyễn Việt Hoàn																0,078					
16	Ngô Văn Lý																0,0168					
17	Nguyễn Văn Chiến																0,072			0,072		
18	Hà Văn An																0,036					
19	Đỗ Thị Xuyên																0,048					
20	Tạ Như Thiệu																	0,072	0,072			
21	Lê Xuân Dục																0,072					
22	Phạm Tiến Hưng																0,084					
23	Nguyễn Xuân Thê				0,036																	



24	Tạ Văn Phổ																	0,07				
25	Hà Thị Na																				0,072	
26	Nguyễn Thị Minh																	0,07				
27	Nguyễn Viết Trung																	0,276				
28	Nguyễn Thị Thà				0,072																	
29	Nguyễn Viết Quân (Đồng Ao)																	0,072				
30	Nguyễn Văn Thoi																	0,072				
31	Nguyễn Văn Bình				0,108																	
32	Nguyễn Văn Nguyên				0,072																	
33	Nguyễn Văn Tuyên				0,024																	
34	Hà Sơn Lâm																					
35	Nguyễn Viết Quân (Đồng Tân)						0,024													0,07		
36	Nguyễn Văn Đông (Khang)																	0,036				
37	Nguyễn Thị Chức																		0,072			
38	Nguyễn Thị Xòe																	0,036				
39	Trương Đình Sáng																	0,024				
40	Nguyễn Văn Nhạng						0,036															
41	Nguyễn Văn Kỳ																					
42	Nguyễn Thị Luyến																	0,084		0,0216		
43	Nguyễn Thị Phương				0,073													0,036				
44	Nguyễn Văn Định																	0,072				
46	Nguyễn Văn Bài																	0,036			0,072	
47	Nguyễn Thị Nhị																0,036					
48	Dương Đình Cán																0,036					
49	Đặng Thị Gái																	0,036				
50	Hoàng Văn Lạng																	0,036				
51	Tạ Thị Ngân																		0,036	0,072		
52	Nguyễn Minh Thủy																	0,04				
53	Trương Đình Cường				0,072													0,09				
54	Nguyễn Văn Toàn																					
55	Nguyễn Văn Nghĩa				0,324													0,072	0,036			
56	Nguyễn Thị Hường				0,024																	
57	Nguyễn Thị Thọ																					
58	Tạ Thị Giang																	0,072		0,036		
59	Nguyễn Tuấn Đại																		0,036			
60	Nguyễn Văn Hường																	0,072				
61	Phạm Tiến Toàn				0,036		0,072											0,084				
62	Phan Đình Trương																					
63	Nguyễn Quốc Dương						0,072											0,036				
Tổng cộng		0	0	0	0,84	0,253	0,144	0,06	0	0	0	0	0	0	0	0	0,036	2,74	0,252	0,3076	0,43	0



CÁC HỘ VÀ DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 4 VÀ MƯA LŨ, NGẬP ÚNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG GIA SÀNG
(Từ ngày 22 tháng 8 năm 2026 đến ngày 24 tháng 8 năm 2026)
(kèm theo Thông báo số 1328/TB-UBND ngày 22/9/2026 của UBND phường)

STT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích thiệt hại trên 70%					Diện tích thiệt hại từ 30% đến 70%			
			Diện tích lúa		Cây hàng năm khác			Diện tích lúa		Cây hàng năm khác	
			Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
-		tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	(1)	(2)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(21)	(23)	(24)	(25)
	Xuân Đám										
1	Đỗ Văn Quyền				0,072			0,072			
2	Vương Thị Vân							0,06			
3	Nguyễn Văn Bộ							0,024			
4	Nguyễn Tuấn Cử							0,108			
5	Ngô Quang Ninh							0,036			
6	Ngô Thị Lân							0,036			
7	Ngô Thị Vân							0,084			
8	Nguyễn Thị Đức					0,072		0,072			
9	Bùi Công Phú							0,072			
10	Nguyễn Văn Dũng							0,036			
11	Nguyễn Văn Vịn				0,019			0,055			
12	Nguyễn Văn Khú							0,037			
13	Nguyễn Văn Kế			0,036				0,053			
14	Nguyễn Văn Quân							0,113			
15	Bùi Văn Bảo							0,12			
16	Nguyễn Thị Tý							0,06			
17	Nguyễn Thế Sang				0,144						
18	Nguyễn Văn Vũ							0,036			
19	Nguyễn Văn Thuật							0,096			
20	Nguyễn Thị Thân							0,053			
21	Nguyễn Văn Hào							0,02			
22	Lê Thị Lương					0,024		0,096			
23	Nguyễn Thế Định							0,072			

/s/



60	Vũ Thị Thu							0,036			
61	Đỗ Văn Tới							0,048			
62	Hà Phương Đông				0,036						
63	Hoàng Thị Diên							0,067			
64	Nguyễn Văn Sử							0,084			
65	Nguyễn Văn Nguyên (Oanh)							0,029			
66	Nguyễn Thị Thời							0,0432			
67	Nguyễn Thanh Phương							0,108			
68	Nguyễn Ngọc Lâm							0,096			
69	Đặng Thị Thoa							0,06			
70	Nguyễn Ngọc Vĩnh							0,144			
71	Nguyễn Thị Bé							0,036			
72	Nguyễn Phong Đoan							0,072			
73	Dương Văn Thông							0,1272			
74	Cao Mạnh Cường							0,036			
75	Trịnh Hà Sửu							0,06			
76	Nguyễn Văn Hùng							0,168			
77	Nguyễn Văn Sỹ				0,108			0,072			
78	Đặng Thị Hựu							0,036			
79	Nguyễn Văn Thọ					0,072					
80	Trần Thị Huệ				0,024			0,053			
81	Vũ Văn Đoàn							0,096			
82	Cao Xuân Dung							0,036			
83	Nguyễn Văn Hoàn							0,108			
84	Nguyễn Văn Cường							0,096			
85	Bùi Văn Quyết							0,18			
86	Bùi Thị Nguyệt							0,108			
87	Nguyễn Ngọc Quyết					0,024					
88	Dương Thị Miên							0,036			
89	Nguyễn Văn Nức							0,024			
90	Nguyễn Văn Học							0,029			
91	Nguyễn Văn Thặng							0,084			
92	Nguyễn Thị Thu							0,016			
93	Nguyễn Thị Thà							0,029			
94	Nguyễn Văn Thường							0,053			
95	Hoàng Thị Lý							0,06			

4

96	Nguyễn Văn Bút							0,036			
97	Nguyễn Văn Hợp							0,072			
98	Nguyễn Từ Liêm							0,097			
99	Nguyễn Văn Thiệu							0,072			
100	Nguyễn Cao Vinh							0,036			
101	Nguyễn Văn Hợp (Mục)							0,036			
	Tổng cộng	0	0,065	0,036	0,699	0,396	0	6,0314	0,014	0,024	0

4

DANH SÁCH CÔNG KHAI
CÁC HỘ VÀ DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 4 VÀ MƯA LŨ, NGẬP ÚNG
TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG GIA SÀNG

(Từ ngày 22 tháng 8 năm 2026 đến ngày 24 tháng 8 năm 2026)

Kèm theo Thông báo số 1328/TB-UBND ngày 22/9/2026 của UBND phường

Kèm theo Thông báo số 1328/TB-UBND ngày 22/9/2026 của UBND phường																	
STT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích thiệt hại trên 70%							Diện tích thiệt hại từ 30% đến 70%							
			Diện	Cây hàng năm khác				Cây hoa, cây cảnh		Diện tích lúa			Cây trồng lâu năm		Cây hoa, cây cảnh		
				Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Nhóm trồng cây hàng năm	Cây bị thiệt hại nhưng không chết	Cây chết, không có khả năng phục hồi	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Nhóm trồng cây hàng năm	Cây bị thiệt hại nhưng không chết
-		0,000	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	(1)	(2)	(5)	(7)	(8)	(9)	(14)	(15)	(16)	(19)	(20)	(21)	(26)	(27)	(30)	(31)	(32)
Tổ dân phố Cam Giá 4																	
1	Nguyễn Thị Luyến																0,12
2	Nguyễn Thị Thiệp											0,096					
3	Trương Thị Hải											0,072					
4	Dương Đình Công								0,036								0,072
5	Trần Thị Nhung					0,036											
6	Đỗ Thị Tuyết																0,036
7	Phạm Thị Hương					0,108											0,036
8	Dương Thị Oanh																0,0540
9	Đào Thị Ngát																0,072
	Tổng cộng	0	0	0	0	0,144	0	0	0,036	0	0	0,168	0	0	0	0	0,39

14



DANH SÁCH CÔNG KHAI
CÁC HỘ VÀ DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 4 VÀ MƯA LŨ, NGẬP ÚNG
TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG GIA SÀNG
 (Từ ngày 22 tháng 8 năm 2026 đến ngày 24 tháng 8 năm 2026)

Kèm theo Thông báo số 1328/TB-UBND ngày 22/9/2026 của UBND phường

STT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích thiệt hại trên 70%							Diện tích thiệt hại từ 30% đến 70%							
			Diện	Cây hàng năm khác			Cây hoa, cây cảnh			Diện tích lúa			Cây trồng lâu năm		Cây hoa, cây cảnh		
				Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Nhóm trồng cây hàng năm	Cây bị thiệt hại nhưng không chết	Cây chết, không có khả năng phục hồi	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Nhóm trồng cây hàng năm	Cây bị thiệt hại nhưng không chết
-		tr. đơn g	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	(1)	(2)	(5)	(7)	(8)	(9)	(14)	(15)	(16)	(19)	(20)	(21)	(26)	(27)	(30)	(31)	(32)
Tổ dân phố Cam Giá 5																	
1	Trịnh Thị Tám											0,0608		0,0904			
2	Nguyễn Văn Thư																0,19014
3	Nguyễn Tuấn Phòng					0,24						0,036					0,042
4	Nguyễn Đức Quảng					0,3112											
5	Trần Thị Liễu					0,108						0,168					
6	Đỗ Thị Thái					0,18						0,168					0,0288
7	Nguyễn Đức Oanh					0,0732											
8	Nguyễn Thị Độ																0,0387
9	Nguyễn Thị Thuý					0,072											
10	Ngô Thị Dung					0,1008											
11	Tạ Quang Huy					0,036											
12	Trần Thị Hồng					0,108			0,0096			0,108					0,012
13	Trần Mạnh Dũng																0,048
14	Nguyễn Thị Liễu					0,036											
15	Nguyễn Quốc Hưng					0,048											
16	Ngô Thị Tâm					0,108											
17	Hoàng Thị Nhung					0,108						0,024					
18	Phạm Văn Hồng					0,072											
19	Lê Thị Na		0,072			0,036						0,072					
20	Nguyễn Thị Thanh					0,108											
21	Trần Văn Nguyên											0,054					
22	Trần Văn Năm											0,18					
23	Nguyễn Văn Nhị					0,12											
24	Tạ Văn Chín					0,0936											
25	Cao Xuân Nên					0,072											
26	Tạ Quang Cảnh					0,0408											
27	Lưu Thị Yến					0,158											0,0604
28	Hoàng Thị Hương					0,036						0,048					
29	Tạ Văn Hồng					0,06											
30	Trần Văn Bình					0,072											0,036
31	Nguyễn Thị Yến					0,036											0,016
32	Nguyễn Thị Hải Hà					0,7728			0,2232								0,234
	Tổng cộng	0	0,072	0	0	3,2064	0	0	0,2328	0	0	0,8948	0	0,0904	0	0	0,70604



DANH SÁCH CÔNG KHAI
CÁC HỘ VÀ DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI ĐỘ BẢO SÓ 4 VÀ MƯA LŨ, NGẬP ÚNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG GIA SÀNG
(Từ ngày 22 tháng 8 năm 2026 đến ngày 24 tháng 8 năm 2026)
Kèm theo Thông báo số 1328/TB-UBND ngày 22/9/2026 của UBND phường

STT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích thiệt hại trên 70%					Diện tích thiệt hại từ 30% đến 70%					
			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác		
			Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
-		tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(8)	(9)	(19)	(20)	(21)	(23)	(24)	(25)
Tổ dân phố Cam Giá 6													
1	Đào Duy Hải						0,126						0,144
2	Nguyễn Văn sáu									0,036			
3	Tạ Thị Hồi						0,036						
4	Lê Văn Dũng				0,108								
5	Vũ Văn Lương				0,072		0,09						
6	Nguyễn Thị Huệ									0,162			
	Tổng cộng	0	0	0	0,18	0	0,252	0	0	0,198	0	0	0,144

[Handwritten signature]





DANH SÁCH CÔNG KHAI

CÁC HỘ VÀ DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 4 VÀ MƯA LŨ, NGẬP ÚNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG GIA SÀNG

(Từ ngày 22 tháng 8 năm 2026 đến ngày 24 tháng 8 năm 2026)

Kèm theo Thông báo số 1328/TB-UBND ngày 22/9/2026 của UBND phường

STT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích thiệt hại trên 70%						Diện tích thiệt hại từ 30% đến 70%		
			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm	Diện tích lúa	Cây hàng năm khác
			Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
-		tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(21)	(25)
Tổ dân phố Hương Sơn 4											
1	Nguyễn Văn Hào									0,1542	
2	Phạm Thanh Lân				0,10787					0,051	
3	Lê Thị Hiền				0,03					0,072	
4	Phạm Thị Dung				0,046						
5	Phạm Thị Dung				0,0431					0,053	
6	Hoàng Việt				0,09311						
7	Nguyễn Thị Tám				0,28						
8	Nguyễn Thị Chín				0,0787						
9	Nguyễn Thị Sâm				0,0922						
10	Ngô Thị Thanh Mai				0,032						
11	Phạm Thị Hiền				0,1259						
12	Phạm Thị Độ				0,1564						
13	Đào Thị Hót				0,0517					0,1295	
14	Dương Thị Minh				0,0612			0,0388		0,016	
15	Hoàng Đức Minh									0,1387	
16	Dương Thị Tình				0,0867						
17	Phạm Văn Tình				0,108			0,018			
18	Nguyễn Thị Tiến				0,1609					0,0358	
19	Phạm Thị Việt				0,076						
20	Phạm Thị Hậu				0,0503					0,1006	



STT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích thiệt hại trên 70%						Diện tích thiệt hại từ 30% đến 70%		
			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm	Diện tích lúa	Cây hàng năm khác
			Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
21	Phạm Quang Long				0,116						
22	Vũ Thị Thịnh				0,0306						
23	Phạm Thị Thanh				0,0192					0,0588	
24	Ngô Thị Khoai				0,0876						
25	Dương Thị Hạnh				0,0227					0,094	
26	Nguyễn Thị Sơn				0,0195					0,0432	
27	Dương Văn Minh				0,1088						
28	Nguyễn Văn Hợp				0,09						
29	Hoàng Công Đại				0,115						
30	Phan Văn Thái										0,0236
31	Nguyễn Thị Tần									0,1596	
32	Nguyễn Thị Lệ Mỹ				0,2295					0,1368	
33	Nguyễn Thị Thuý				0,0864			0,0838		0,0282	
34	Nguyễn Thị Xuân				0,0192						
35	Trần Thị Luyện				0,1141					0,072	
36	Nguyễn Thị Mận				0,044						
37	Phạm Ngọc Hoa				0,2148						
38	Phạm Ngọc Hoa				0,076						
39	Nguyễn Thị Cảnh				0,1416						
40	Trần Phương Thảo				0,033						
41	Trần Trung Hiếu				0,0337						
42	Nguyễn Thị Duyên				0,08					0,1661	
43	Nguyễn Thị Hương				0,073			0,0336			
44	Trần Thị Loan				0,0592			0,1202		0,0812	
	Tổng cộng	0	0	0	3,49398	0	0	0,2944	0	1,5907	0,0236

✓

DANH SÁCH CÔNG KHAI

CÁC HỘ VÀ DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 4 VÀ MÙA LŨ, NGẬP ÚNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG GIA SÀNG

(Từ ngày 22 tháng 8 năm 2026 đến ngày 24 tháng 8 năm 2026)

Kèm theo Thông báo số 1328/TB-UBND ngày 22/9/2026 của UBND phường

STT	Họ và tên	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích thiệt hại trên 70%					Diện tích thiệt hại từ 30% đến 70%					
			Diện tích lúa			Cây hàng năm khác		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác		
			Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
-		tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(8)	(9)	(19)	(20)	(21)	(23)	(24)	(25)
Tổ dân phố Hương Sơn 6													
1	Bùi Thị Hương									0,036			
2	Ngô Trung Hữu									0,0964			
3	Trần Thị Cường									0,1024			
4	Hà Thị Thuý									0,0354			
5	Dương Văn Đại									0,044			
6	Vũ Thị Tuyết									0,0355			
7	Ngô Văn Hoạt									0,036			
8	Bùi Thị Năm									0,0236			
9	Nguyễn Thị Hồng									0,0696			
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0,4789	0	0	0

45

